

Gợi ý cho giờ học: Hãy cùng trân trọng “sự nhận ra” của người học - Những sáng tạo trong việc dạy ngữ pháp-

[Truy cập bản gốc tiếng Nhật ở đây](#)

1. Mở đầu

Khi cách thầy cô dạy một mẫu ngữ pháp mới trong giờ học thì thường hướng dẫn người học như thế nào?

Trong số tạp chí lần này, chúng tôi xin giới thiệu phương pháp giúp khơi gợi “sự nhận ra” trong học ngữ pháp. “Sự nhận ra” có nghĩa là người học tự tìm tòi, khám phá một cách chủ động. Đây là phương pháp rất hữu ích cho những thầy cô từ trước đến nay vẫn luôn là người dạy chính và luôn băn khoăn bởi “những tiết học chỉ toàn giải thích, thiếu sự thú vị” hay “người học mãi không nhớ được kiến thức”. Hoặc dành cho những thầy cô đã dạy ngữ pháp theo phương pháp trên nhưng vẫn gặp phải những vấn đề như “đã để người học tự chủ động học nhưng tiết học thiếu sự sôi nổi” hay “không thấy hiệu quả”, các thầy cô có thể đọc phần 3: Những lưu ý khi áp dụng trong tiết học để chiêm nghiệm lại những tiết học của chính mình.

2. Ví dụ về những hoạt động khơi gợi sự nhận ra của người học

Trong phần này, chúng tôi sẽ giới thiệu hai hoạt động mẫu. Mặc dù nội dung của hai hoạt động này khác nhau nhưng vẫn sẽ có điểm chung. Hãy cùng suy nghĩ về “những sáng tạo nhằm khơi gợi sự nhận ra” trong các hoạt động này nhé.

Hoạt động mẫu 1: Suy nghĩ về quy luật của thể Te

Với ví dụ đầu tiên, chúng tôi xin đưa ra hoạt động về cách chia thể Te. Có rất nhiều cách để dạy thể Te nhưng đây sẽ là hoạt động để giúp người học tự nhận ra về quy luật chia thể Te.

Các bước tiến hành hoạt động

Bước 1: Giáo viên sẽ phát bảng dưới đây cho người học.

A ^{Ka}い^{ma}す → ^{ka}っ^{te} (Mua)

B ^{To}び^{ma}す → ^{to}ん^{de} (Bay)

C ^{ka}き^{ma}す → ^{ka}い^{te} (Viết)

D ^{Ha}な^{shi}ma^{su} → ^{Ha}な^{shi}て (Nói chuyện)

E ^Uたⁱma^{su} → ^Uた^{te} (Hát)

F ^{As}o^{bi}ma^{su} → ^{As}o^{nde} (Chơi đùa)

G ^{Ki}ki^{ma}す → ^{Ki}い^{te} (Nghe)

H ^{ka}shi^{ma}す → ^{ka}shi^{te} (Mượn)

I ^Ii^{ma}す → ^Iい^{te} (Nói)

J ^{Yo}bi^{ma}す → ^{Yo}ん^{de} (Gọi)

K ^{Ha}ta^{ra}ki^{ma}す → ^{Ha}ta^{ra}い^{te} (Làm việc)

L ^{Ke}shi^{ma}す → ^{Ke}shi^{te} (Tắt, xóa)

Bước 2: Giáo viên yêu cầu người học gạch chân các chữ trước phần masu. VD: 買います 飛びます

Bước 3: Giáo viên yêu cầu người học chú ý vào phần đã gạch chân và tự chia các động từ thành bốn nhóm.



Bước 4: Cùng nhau kiểm tra đáp án.

Nhóm động từ kết thúc bằng đuôi I (い): ^{K a i m a s u} 買います・^{U t a i m a s u} 歌います・^{I i m a s u} 言います

Nhóm động từ kết thúc bằng đuôi BI (び): ^{T o b i m a s u} 飛びます・^{A s o b i m a s u} 遊びます・^{Y o b i m a s u} 呼びます

Nhóm động từ kết thúc bằng đuôi KI (き): ^{K a k i m a s u} 書きます・^{K i k i m a s u} 聞きます・^{H a t a r a k i m a s u} 働きます

Nhóm động từ kết thúc bằng đuôi SHI (し): ^{H a n a s h i m a s u} 話します・^{K a s h i m a s u} 貸します・^{K e s h i m a s u} 消します

Bước 5: Giáo viên để người học tự suy nghĩ về các động từ trong các nhóm đó được chia sang thể Te như thế nào.

Bước 6: Giáo viên chia người học thành các nhóm và để người học cùng thảo luận về cách chia thể Te.

Bước 7: Từng nhóm sẽ phát biểu về ý kiến đã trao đổi. Trong trường hợp người học chia nhóm sai thì giáo viên nghe thêm ý kiến của những người học khác và sửa lại.

Hoạt động mẫu 2: Cùng suy nghĩ về ý nghĩa của ～させる

Trong ví dụ về hoạt động thứ hai này, chúng tôi sẽ lấy ví dụ về mẫu ngữ pháp ～させる. Dù người học đã nhận ra rằng một điểm ngữ pháp có thể mang nhiều ý nghĩa, nhưng các kiến thức ấy vẫn chưa được sắp xếp rõ ràng trong đầu. Đây là hoạt động mẫu hữu ích cho những lúc cần hỗ trợ việc hệ thống hóa kiến thức. Hoạt động mẫu này để giúp người học nhận ra mẫu ngữ pháp ～させる có hai ý nghĩa là “bắt buộc” và “cho phép”.

Các bước tiến hành hoạt động

Bước 1: Giáo viên phát cho người học tờ giấy có các câu hoặc mẫu hội thoại có sử dụng mẫu ngữ pháp ~させる với các nghĩa khác nhau.

- A** 留学に行きたいという息子の意思は固かった。仕方ないので、行かせることにした。
Con trai tôi quyết tâm đi du học. Không còn cách nào khác nên tôi đành cho phép cháu đi.
- B** <アルバイト先にて> (Tại nơi làm việc)
キム：すみません、来月は学校が忙しくて、休ませていただきたいんですが...。
店長：あー、そうですか。それじゃ、ちょっと、考えてみますね。
Kim: Dạ, tháng sau em hơi bận học trên trường nên em xin phép nghỉ ạ...
Quản lý: Thế hả? Để anh suy nghĩ thêm chút nhé.
- C** 生徒にたくさん漢字を書かせる教師が多い。しかしそれは、生徒としては本当にいやなことだ。
Có rất nhiều giáo viên yêu cầu học sinh viết chữ Hán, nhưng học sinh thật sự không thích viết.
- D** <メールにて>今回はご応募いただき、誠にありがとうございます。いただいた資料を確認させていただき、後ほどご連絡いたします。
(Trong email) Cảm ơn bạn đã nộp đơn. Chúng tôi sẽ xem xét các tài liệu bạn cung cấp và chúng tôi xin phép liên hệ lại sau.
- E** うちの犬は、散歩が本当に嫌いらしい。仕方ないので、無理やり散歩させている。
Chó nhà tôi có vẻ như không thích đi dạo. Tôi chẳng còn cách nào khác nên đành ép nó đi.
- F** <家にて>
夫：どうしよう、太郎が変なもののみこんじゃった...!
妻：ちょっと、早く、吐き出させて!
(Ở nhà)
Chồng: Trời ơi, Tarou nó nuốt nhầm cái gì đó rồi...!
Vợ: Nhanh... Anh làm cho con nôn ra đi!

Bước 2: Giáo viên để người học gạch chân vào phần ~させる.

Bước 3: Giáo viên giải thích cho người học rằng ~させる trong bước 1 có thể phân thành hai nghĩa.

Bước 4: Giáo viên để người học tự suy nghĩ về ý nghĩa của các câu.

Bước 5: Giáo viên chia người học thành các nhóm để người học thảo luận về cách phân loại và về ý nghĩa của dạng “～させる” mà người học đã xếp vào.

Bước 6: Giáo viên để từng nhóm phát biểu.

Bước 7: Giáo viên nghe phát biểu của từng nhóm và sắp xếp các loại ý nghĩa mà người học đã nghĩ ra. Trong trường hợp người học phân loại sai thì giáo viên hãy ý kiến của những người học khác rồi chỉnh sửa bổ sung thêm.



Trong hoạt động này thì các câu ABD có nghĩa là “cho phép”, các câu CEF có nghĩa là “bắt buộc”. Tùy theo từng trình độ của người học, tuy nhiên nếu người học cảm thấy hoạt động có hơi khó thì giáo viên cũng có thể phân chia các ví dụ có nghĩa “cho phép” và “bắt buộc” ra trước rồi chia nhóm thảo luận về ý nghĩa từng câu.

3. Những lưu ý khi áp dụng trong giờ học

Khi đọc những hoạt động mẫu ở trên, thầy cô có tìm thấy “những sáng tạo nhằm khơi gợi sự nhận ra” không? Mọi người hãy cùng lưu ý 3 điều sau khi áp dụng vào giờ học nhé.

Lưu ý 1: Đưa ra nhiều mẫu câu

Có lẽ mọi người thường sử dụng các câu ví dụ trong giờ học. Nhưng có khi nào mọi người chỉ đưa ra một mẫu câu duy nhất không? Cũng tương tự với việc giải câu đố sẽ dễ dàng hơn nếu có nhiều gợi ý thì khi giáo viên đưa ra càng nhiều câu ví dụ thì người học sẽ dễ dàng suy đoán ra quy luật. Ngược lại khi nếu quá ít câu ví dụ thì người học sẽ thấy khó suy nghĩ hơn và gây áp lực tới người học. Mấu chốt ở đây chính là không đưa ra những hoạt động quá khó.

Ngoài ra, mọi người cũng có thể xem lại những câu ví dụ mình đã đưa ra trong giờ học. Chẳng hạn, có khi nào mọi người dùng những câu ví dụ như là “教師は学生に教科書を読ませた/Giáo viên yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa” hay không? Trong hội thoại thường ngày, tiếng Nhật sẽ thường được lược bỏ giống như câu “ちょっとこれ、味見させて/Cho mình nếm thử cái này một chút nhé”. Vì vậy, nếu giáo viên có thể đưa ra những câu ví dụ từ nhiều bối cảnh khác nhau giống như hội thoại, email... thì người học có thể học được nhiều cách dùng trong thực tế của ngôn ngữ.

Mọi người có thể tham khảo trang web “[Cơ sở dữ liệu câu ví dụ Hagoromo](#)” để tạo các câu ví dụ. Trong đó, mỗi mục ngữ pháp đều kèm theo nhiều ví dụ đa dạng, giúp người dạy hình dung rõ cách chúng được sử dụng trong thực tế.

Bên cạnh đó, mọi người cũng có thể thường xuyên quan sát thêm các ngữ pháp được dùng trong phim ảnh hoặc truyện tranh.

Lưu ý 2: Để người học tự tìm ra quy luật

Ngay cả khi để người học suy nghĩ nhưng giáo viên không lắng nghe câu trả lời từ phía học viên mà đưa luôn đáp án cuối cùng, có khi nào thầy cô rơi vào trường hợp đó không? Vì người học đã dày công suy nghĩ nên hãy để người học tự mình nói ra suy nghĩ của họ trước. Dù người học nói sai, cũng không sao. Điều quan trọng nhất của hoạt động này không phải đi tìm đáp án đúng mà là giúp người học suy nghĩ “Rốt cuộc quy luật là như thế nào nhỉ”.

Nếu người học có trả lời sai, giáo viên không nên đưa ngay ra đáp án mà có thể thử hỏi những người học khác “Bạn nghĩ sao?”. Nếu có lúc người học mãi không thể nghĩ ra được hay có hơi lạc đề thì giáo viên có thể đưa ra một vài gợi ý cho người học. Điều quan trọng ở đây giáo viên chỉ có vai trò là “người đồng hành” cùng người học.

Lưu ý 3: Không thúc giục người học “nhận ra”.

Điểm quan trọng của việc khơi gợi sự nhận ra ở người học là không được vội vàng. Khi giáo viên cho người học xem mẫu câu và hỏi ngay rằng “Nào, bạn đã nhận ra điều gì?” thì khó mà trả lời ngay được. Giống như hoạt động đã nêu ở trên, trước hết hãy gạch chân những điểm muốn người học chú ý, dành thời gian để họ tự suy nghĩ... Nói cách khác thì cần thiết kể nhiều “bước nhỏ” trước khi đi đến được sự tự nhận ra. Việc quan trọng nhất đó là xây dựng các bước đệm như vậy.



Chúng tôi đã giải thích 3 điều cần lưu ý trong giờ học, tuy nhiên điều quan trọng nhất đó là tìm ra “phương pháp khơi gợi sự nhận ra” một cách phù hợp với tiết học của từng lớp. Cũng sẽ có những trường hợp giáo viên đã chuẩn bị rất nhiều câu ví dụ nhưng tiết học vẫn không diễn ra trôi chảy hay dù gợi ý cho người học nhưng người học lại không nói ra... Đừng nản lòng mà hãy tham khảo những điều gợi ý ở trên và cân nhắc xem “Làm sao để gợi mở được cho học viên của lớp mình?” nhé. Nếu học viên chưa quen với việc nói trước nhiều người thì vẫn còn rất nhiều cách khác giáo viên có thể thử cách khác như nhờ học viên viết vào phiếu bài tập thay cho việc phát biểu, hoặc giáo viên có thể đưa ra vài đáp án ví dụ và nhờ học viên chọn đáp án.

4. Hiệu quả của việc khơi gợi sự nhận ra

Việc coi trọng sự “tự nhận ra” sẽ mang lại những hiệu quả sau đây.

Hiệu quả 1: Người học dễ dàng nhớ kiến thức hơn

Chắc hẳn ai trong chúng ta cũng từng trải nghiệm rằng, so với việc chỉ ngồi nghe giảng, những kiến thức ta tự mình suy nghĩ, tự vận dụng đầu óc hay cơ thể để khám phá thì thường được ghi nhớ lâu hơn.

Phương pháp học có điểm tương đồng với việc tạo ra nhiều câu ví dụ giúp người học gợi mở là phương pháp DDL (Data-driven Learning: Phương pháp học tập trên dữ liệu). Phương pháp này sẽ sử dụng kho dữ liệu để người học tự suy nghĩ và tìm ra quy luật. Có nghiên cứu đã chỉ ra rằng trong những giờ học sử dụng phương pháp DDL, người học sẽ nhớ kiến thức hơn những giờ học mà giáo viên là người dạy chính (Nishigaki, 2015). Hoạt động mẫu chúng tôi đã giới thiệu ở trên có hơi khác so với DDL nhưng nghiên cứu trên đã chỉ ra sự hiệu quả trong việc coi trọng sự “nhận ra” ở người học.

Hiệu quả 2: Người học sẽ học được nhiều kỹ năng mới

Hãy cùng nhìn lại các bước trong hai hoạt động mẫu trên. Trong những hoạt động này, người học không chỉ tự suy nghĩ mà có thời gian trao đổi ý kiến với bạn học khác và cùng khám phá ra các quy tắc. Hơn nữa, vì giáo viên không đưa ra quy tắc ngay nên người học phải tự suy nghĩ và xây dựng quy tắc đó. Nói cách khác, những hoạt động này không chỉ nhằm giúp người học nắm được quy tắc về chia thể Te hay sắp xếp các quy tắc ngữ pháp. Thông qua việc chia sẻ và sắp xếp lại những “nhận ra” của mình, người học còn phát triển năng lực tư duy, khả năng hợp tác với người khác và năng lực học tập tự chủ.

Phương pháp học này phù hợp với tiêu chuẩn giáo dục về bồi dưỡng những kỹ năng trong thế kỷ 21 được coi trọng tại rất nhiều quốc gia hiện nay.

Hiệu quả 3: Giúp người học từng bước mở rộng thế giới tiếng Nhật bằng chính khả năng của mình

Trình độ người học tiếng Nhật càng cao thì sẽ càng có nhiều cơ hội được tiếp xúc với nhiều ngữ cảnh tiếng Nhật khác nhau. Từ ngôn ngữ lịch sự, tiếng lóng của giới trẻ, cho đến báo cáo, luận văn hay bài viết trên mạng xã hội... Môi trường tiếng Nhật của người học ngày càng mở rộng, và việc giáo viên theo sát, hỗ trợ từng trường hợp một là điều không hề dễ dàng. Bằng việc bồi dưỡng năng lực phát hiện quy luật ngôn ngữ, người học sẽ dần hình thành thói quen tự quan sát, tự phân tích ngôn ngữ ngay cả ngoài giờ học, để rồi từng bước mở ra một thế giới tiếng Nhật rộng lớn hơn cho chính mình.

Đọc đến đây thầy cô thấy thế nào? Thay vì thay đổi cả tiết học một cách đột ngột, có thể đảo lại một chút trình tự quen thuộc, thêm vài câu hỏi gợi suy nghĩ và bắt đầu từ những việc nhỏ nhất. Hãy tin ở người học và bắt đầu từ những bước đầu tiên, dần dần bồi dưỡng tinh thần coi trọng “sự nhận ra” ở bản thân người học. Chúc thầy cô có thể tìm ra những phương pháp gợi mở sự nhận ra phù hợp với lớp học của mình.

Tài liệu tham khảo:

- 安藤節子・小川誉子美（2001）『日本語文法演習 自動詞・他動詞、使役、受身－ボイス』スリーエーネットワーク
- 国際交流基金（2010）日本語教授法シリーズ第4巻『文法を教える』ひつじ書房
- 西垣千佳子・小山義徳・神谷昇・横田梓・西坂高志（2015）「データ駆動型学習と Focus on Form－中学生のための帰納的な語彙・文法学習の実践－」『KATE Journal』29, pp.113-126.

- 西垣知佳子・小山義徳・神谷昇・尾崎さおり・西坂高志・横田梓（2015）「フォーカス・オン・フォームに取り入れるデータ駆動型学習の効果の検証」『英語授業研究学会』24, pp.49-63.
- 西垣千佳子（2019）「「気づき」と「理解・定着」をつなぐ DDL 文法指導」『英語教育』67（11）, pp.34-35,大修館書店
- 堀恵子・李在鎬・長谷部陽一郎（2016）「機能語用例文データベース「はごろも」について」『計量国語学』30（5）, pp.275-285.
- 松尾知明（2015）『21 世紀型スキルとは何かーコンピテンシーに基づく教育改革の国際比較』明石書店
- 松本剛次（2021）『21 世紀型能力と日本語教育ー批判的日本語教師研修モデルの提案ー』早稲田大学出版部
- 横田梓（2019）「中学校におけるデータ駆動型学習の実践ーデジタル版 DDL で「探求する文法学習」を目指す」『英語教育』67（11）, pp.36-37,大修館書店

(Shimizu Masako/Chuyên viên giáo dục tiếng Nhật, Trung tâm Quốc tế tiếng Nhật)

Bản gốc (Tiếng Nhật): Trang web của Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản

授業^{じゅぎょう}のヒント^{ヒント} 学習者^{がくしゅうしゃ}の「気づき^き」を大切^{たいせつ}にしてみませんかー文法^{ぶんぽう}を教^{おし}える時^{とき}の一工夫^{ひとくふう}ー

Gợi ý cho giờ học: Hãy cùng trân trọng “sự nhận ra” của người học -Một chút sáng tạo trong việc dạy ngữ pháp-

<https://www.jpff.go.jp/j/project/japanese/teach/tsushin/hint/202203.html>